

BIÊN BẢN
Về việc niêm yết công khai nhu cầu thu nhập tăng thêm
6 tháng đầu năm 2024

I. Thời gian - địa điểm

Hôm nay, vào lúc 17 giờ ngày 17 tháng 12 năm 2024 Trường Mầm non An Dương tiến hành niêm yết công khai các nội dung sau:

***/Công khai nhu cầu thu nhập tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024**

II. Thành phần

Bà Phạm Thị Thoa- Hiệu trưởng nhà trường

Bà Nguyễn Thị Mai Hiếu - Phó Hiệu trưởng

Bà Đoàn Kim Nhung - Phó hiệu trưởng

Bà Trương Thị Hồng Thúy - Kế toán nhà trường

Bà Nguyễn Thị Đức - Trưởng ban thanh tra nhân dân nhà trường

III. Nội dung

Căn cứ Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT ngày 28 tháng 12 năm 2017 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế thực hiện công khai đối với các cơ sở giáo dục của hệ thống giáo dục quốc dân; Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn về công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; HD số 551/SGDĐT-TTr ngày 17/3/2022 của Sở giáo dục và đào tạo.

Căn cứ vào công văn số 24/CV-MNAD ngày 16/12/2024 của trường mầm non An Dương về việc thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và số 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về thu nhập bình quân tăng thêm.

Chúng tôi tiến hành làm biên bản về việc niêm yết công khai để cán bộ, viên chức xem xét, tham gia ý kiến, và cùng thực hiện.

Tài liệu niêm yết bao gồm:

1/Danh sách nhu cầu thu nhập tăng thêm 6 tháng đầu năm 2024

2/ Công văn số 24/CV-MNAD ngày 16/12/2024 của trường mầm non An Dương về việc thực hiện Nghị quyết số 05/2022/NQ-HĐND và số 01/2023/NQ-HĐND của Hội đồng nhân dân thành phố về thu nhập bình quân tăng thêm.

Các văn bản được niêm yết đầy đủ công khai tại bảng tin nhà trường.

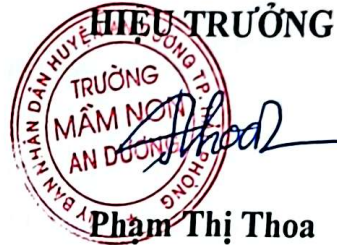
Thời gian niêm yết là 30 ngày: từ 17 giờ 0 phút ngày 17/12/2024 đến ngày 16/01/2025

Biên bản kết thúc vào lúc 17 giờ 30 phút cùng ngày, các thành viên tham gia họp đều thống nhất với nội dung ghi trong biên bản và đồng ý ký tên.

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản lưu tại hồ sơ kế toán, 01 bản lưu tại hồ sơ nhà trường để làm cơ sở thực hiện. Đính kèm các biểu công khai trên.

THƯ KÍ

Trương Thị Hồng Thúy



Phạm Thị Thoa



Đoàn Kim Nhung

ĐẠI DIỆN BAN GIÁM HIỆU

Nguyễn Thị Mai Hiếu

T/M BAN THANH TRA NHÂN DÂN

Nguyễn Thị Đức

TỔNG HỢP CẤP KINH PHÍ CHI TRẢ MỨC THU NHẬP BÌNH QUÂN TĂNG THÊM CHO CÁN BỘ, CÔNG CHỨC, VIÊN CHỨC - NĂM 2024
6 THÁNG ĐẦU NĂM 2024 (HỌC KỲ II: NĂM HỌC 2023 - 2024)
(Kèm theo Công văn số /STC-TCHCSN ngày / 202 của Sở Tài chính)

TT	Nội dung	Chức vụ	NĂM 2024 (Từ tháng 01 đến tháng 6)										Chia ra							Nguồn kinh phí thực hiện			Ghi chú
			Tổng hệ số lương, ngạch, bậc, chức vụ	Trong đó				Hệ số điều chỉnh TNBQ tăng thêm	Số tháng hưởng	Thành tiền	Tổng hệ số lương, ngạch, bậc, chức vụ	Hệ số lương theo ngạch bậc	Hệ số chức vụ		PC thâm niên VK		Hệ số điều chỉnh TNBQ tăng thêm	Số tháng hưởng	Thành tiền	Nguồn cải cách tiền lương tại đơn vị	Nguồn còn thiếu so với nhu cầu		
				Hệ số bình quân	Hệ số chức vụ	Hệ số thâm niên VK	Tỷ lệ %						Hệ số thâm niên VK										
A	B	C	1=2+3+4	2	3	4	5	6	7=1*5*6* 1.800.000đ	8	9	10	11	12	13	14	15=8*13*14* 1.800.000đ	16	17	18			
	TỔNG CỘNG (I+II)		128.13	125.78	2.10	0.25			807,904,800	128.13	125.78	2.10		0.25			807,904,800		807,904,800				
B	NHÓM 2:																						
I	Hoàn thành tốt nhiệm vụ trở lên		122.95	120.80	1.90	0.25		204	796,716,000	122.95	120.8	1.90		0.25		228	796,716,000						
1	Phạm Thị Thoa	Hiệu trưởng	5.39	4.89	0.50		0.6	6	34,927,200	5.39	4.89	0.50			0.6	6	34,927,200						
2	Đoàn Kim Nhung	Hiệu phó	5.00	4.65	0.35		0.6	6	32,400,000	5.00	4.65	0.35			0.6	6	32,400,000						
3	Nguyễn Thị Mai Hiếu	Hiệu phó	4.34	3.99	0.35		0.6	6	28,123,200	4.34	3.99	0.35			0.6	6	28,123,200						
4	Trương Thị Kim Quyên	GV	5.23	4.98		0.250	0.6	6	33,890,400	5.23	4.98			0.250	0.6	6	33,890,400						
5	Bùi Thị Luyện	GV	4.98	4.98			0.6	6	32,270,400	4.98	4.98				0.6	6	32,270,400						
6	Nguyễn Thị Thu	GV	5.18	4.98	0.20		0.6	6	33,566,400	5.18	4.98	0.20			0.6	6	33,566,400						
7	Lương Thị Hà	GV	4.98	4.98			0.6	6	32,270,400	4.98	4.98				0.6	6	32,270,400						
8	Nguyễn Thị Loan	GV	4.98	4.98			0.6	6	32,270,400	4.98	4.98				0.6	6	32,270,400						
9	Trần Thị Bắc	GV	4.58	4.580			0.6	6	29,678,400	4.58	4.58				0.6	6	29,678,400						
10	Phạm Thị Hồng	GV	4.52	4.32	0.20		0.6	6	29,289,600	4.52	4.32	0.20			0.6	6	29,289,600						
11	Lê Thị Mai Dung	GV	4.14	3.99	0.15		0.6	6	26,827,200	4.14	3.99	0.15			0.6	6	26,827,200						
12	Nguyễn Thị Thanh Minh	GV	3.99	3.99			0.6	6	25,855,200	3.99	3.99				0.6	6	25,855,200						
13	Hoàng Thị Thu Giang	GV	3.99	3.99			0.6	6	25,855,200	3.99	3.99				0.6	6	25,855,200						
14	Nguyễn Thị Lệ Thương	GV	3.00	3.00			0.6	6	19,440,000	3.00	3.00				0.6	6	19,440,000						
15	Nguyễn Thanh Hải	GV	3.66	3.660			0.6	6	23,716,800	3.66	3.66				0.6	6	23,716,800						
16	Phạm Thị Thanh Loan	GV	3.00	3.00			0.6	6	19,440,000	3.00	3.00				0.6	6	19,440,000						
17	Nguyễn Thị Đức	GV	3.33	3.33			0.6	6	21,578,400	3.33	3.33				0.6	6	21,578,400						
18	Nguyễn Thị Hoài	GV	3.33	3.33			0.6	6	21,578,400	3.33	3.33				0.6	6	21,578,400						
19	Trần Thị Hà	GV	3.00	3.00			0.6	6	19,440,000	3.00	3.00				0.6	6	19,440,000						

